

Bản án số: 163/2026/HS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Công Sơn** và bà **Trần Thị Thu Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đào Đức Hữu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1088/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2026 đối với:

1. Bị cáo: **Nguyễn Văn N** - Sinh ngày 14 tháng 12 năm 1997 tại Ninh Bình. Căn cước công dân số: 036097015544. Nơi cư trú: Thôn C (xóm D X cũ), xã X, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1965).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam N - Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Đ từ ngày 16.6.2026 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông **Đào Văn L1**, sinh năm 1976. Căn cước công dân số: 031076025377 do Bộ C cấp ngày 15.8.2021. Địa chỉ: Lô A đường V, tổ H, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1998. Căn cước công dân số: 038198022421 do Bộ C cấp ngày 20.8.2021. Địa chỉ: E đường Đ, phường A, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông **Huỳnh Ngọc Đ1**, sinh năm 1981. Căn cước công dân số: 048081005218 do Bộ C cấp ngày 18.9.2022. Địa chỉ: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông **Hoàng Thanh T1**, sinh năm 1978. Căn cước công dân số: 001078137952 do Bộ C cấp ngày 22.12.2021. Địa chỉ: 4 đường L, phường T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05.4.2026, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô biển số: 73G1-112.02 đi trên đường T (đi chơi về). Khi ngang qua công trình xây dựng nhà số H đường T, phường S, thành phố Đà Nẵng do ông Đào Văn L1 (sinh năm: 1976, trú: Tổ F, phường S, thành phố Đà Nẵng) làm chủ, thấy không có ai trông coi nên Nguyễn Văn N nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn N để xe trên vỉa hè rồi đi bộ đến trụ điện trước công trình ngắt điện (mục đích sợ có camera phát hiện nhưng thực tế không có). Sau đó lấy kéo có sẵn trong cốp xe và đi vào công trình. Thấy tầng 01 không có tài sản gì, Nguyễn Văn N đi lên tầng 02 thấy có hệ thống dây điện trên trần nhà, Nguyễn Văn N sử dụng kéo cắt dây điện rồi bỏ vào bao tải (lấy tại công trình). Tiếp đó, Nguyễn Văn N lên tầng 03 và 04 của công trình tiếp tục cắt dây điện trên trần như đã cắt ở tầng 2. Toàn bộ số dây điện cắt được, Nguyễn Văn N bỏ vào 02 bao tải. Sau đó, Nguyễn Văn N đem số dây điện đã cắt trộm được về cất giấu tại nhà T đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Sáng ngày 06.4.2026, Nguyễn Văn N đem 01 bao tải chứa dây điện đã trộm cắp được đến cửa hàng buôn bán phế liệu tại số E đường Đ, phường A, thành phố Đà Nẵng do bà Ngô Thị T làm chủ, bán được số tiền 1.360.000 đồng và tiêu xài hết. Đến ngày 14.4.2026, Công an phường S mời Nguyễn Văn N lên làm việc và tạm giữ 01 bao tải đựng dây điện do Nguyễn Văn N trộm cắp chưa kịp tiêu thụ.

Vật chứng tạm giữ:

- Của bà Ngô Thị T: 01 bao tải màu trắng (kích thước 50x75cm), bên trong chứa nhiều đoạn dây điện được cắt ngắn các loại nhiều màu khác nhau; khối lượng 08kg.

- Cửa Nguyễn Văn N: 01 bao tải màu trắng (kích thước 50x75cm), bên trong chứa nhiều đoạn dây điện các loại gồm: nhãn hiệu Cadivi (loại 6.0, 4.0, 2.5, 1.5), nhãn hiệu Cadivi TE (2.5, 1.5), nhiều màu sắc, mỗi đoạn dài từ 10 đến 200cm, chưa xác định số lượng; 01 xe mô tô BKS: 73G1-112.02; 01 kéo kim loại dài 23cm, phần tay cầm được bọc nhựa màu vàng - đỏ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐDGTS ngày 19.5.2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự - Ủy ban nhân dân phường S, kết luận: Các cuộn dây điện bị cắt trị giá 27.663.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn N đã bồi thường cho ông Đào Văn L1 số tiền 33.000.000 đồng. Ông Đào Văn L1 không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn N. Bà Ngô Thị T yêu cầu Nguyễn Văn N bồi thường số tiền là 1.360.000 đồng.

Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số: 633/BKL-VPCQCSĐT ngày 10.7.2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đề nghị truy tố Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản cáo trạng số: 115/CT-VKSDNG-KV2 ngày 20.7.2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng truy tố Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền 1.360.000 đồng.

Bị hại ông Đào Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T, ông Huỳnh Ngọc Đ1 và ông Hoàng Thanh T1 đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng thực hành quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N như Cáo trạng số: 115/CT-VKSDNG-KV2 ngày 20.7.2026 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền 1.360.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào quỹ nhà nước đối với các bao tải bên trong đựng các đoạn dây điện. Tịch thu và tiêu hủy đối với cây kéo bằng kim loại dài 23cm, phần tay cầm được bọc nhựa màu vàng - đỏ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn N nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo được phát hiện bệnh nhiễm độc tuyến giáp, hạ kaly máu nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ lời khai cũng như yêu cầu của những người này và không mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét việc vắng mặt của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn N nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05.4.2026, tại công trình xây dựng nhà số H đường T, phường S, thành phố Đà Nẵng của ông Đào Văn L1. Nguyễn Văn N đã lén lút cắt trộm dây điện đang được thi công lắp đặt tại đây trị giá 27.663.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt

được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 115/CT-VKSDNG-KV2 ngày 20.7.2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn N đang bị bệnh nhiễm độc tuyến giáp, hạ kaly. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

[8] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng đồng thời để răn đe phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đang bị bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn N đã bồi thường cho ông Đào Văn L1 số tiền 33.000.000 đồng. Ông Đào Văn L1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết. Bà Ngô Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 1.360.000 đồng vì không biết tài sản đã mua là do phạm tội mà có. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền nói trên.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 73G1-112.02: Chiếc xe này thuộc sở hữu của ông Hoàng Thanh T1 cho bị cáo Nguyễn Văn N thuê để đi lại. Ông Hoàng Thanh T1 không biết bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng xe trên để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với 01 bao tải màu trắng (kích thước 50x75cm), bên trong chứa nhiều đoạn dây điện được cắt ngắn, khối lượng 08kg; 01 bao tải màu trắng (kích thước 50x75cm), bên trong chứa nhiều đoạn dây điện các loại gồm nhãn hiệu Cadivi (loại 6.0, 4.0, 2.5, 1.5); nhãn hiệu Cadivi TE (2.5, 1.5), nhiều màu sắc, mỗi đoạn dài từ 10 đến 200cm. Tài sản này thuộc sở hữu của ông Đào Văn L1 nhưng ông Đào Văn L1 không yêu cầu được nhận lại và tài sản có giá trị nên tịch thu sung vào quỹ nhà nước.

- Đối với 01 kéo kim loại dài 23cm, phần tay cầm được bọc nhựa màu vàng - đỏ. Đây là công cụ bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị đáng kể nên tịch thu và tiêu hủy.

[11] Về án phí:

- Về án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Về án phí dân sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Ngoài ra: Đối với ông Huỳnh Ngọc Đ1 là người quản lý nhà trọ nơi bị cáo Nguyễn Văn N cất giấu các bao tải dây điện sau khi trộm cắp. Ông Huỳnh Ngọc Đ1 không biết bị cáo Nguyễn Văn N cất giấu tài sản đã trộm cắp tại đây nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đề cập xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giam (16.6.2026).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền là 1.360.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 kéo kim loại dài 23cm, phần tay cầm được bọc nhựa màu vàng - đỏ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 bao tải màu trắng (kích thước 50x75cm), bên trong chứa nhiều đoạn dây điện được cắt ngắn, khối lượng 08kg; 01 bao tải màu trắng (kích thước 50x75cm), bên trong chứa nhiều đoạn dây điện các loại gồm nhãn hiệu Cadivi (loại 6.0, 4.0, 2.5, 1.5); nhãn hiệu Cadivi TE (2.5, 1.5), nhiều màu sắc, mỗi đoạn dài từ 10 đến 200cm.

Các vật chứng này hiện đang được quản lý tại Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam Ngũ Hành S - Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Đ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10 tháng 8 năm 2026.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Cơ quan THA Hình sự CATP Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Diện